

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HỒNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2017/HNGĐ-ST
Ngày 29-8-2017
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Lý.
2. Bà Nguyễn Thị Hương Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Vũ Bình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2017 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Lê Thanh Tuấn A, sinh năm 1979, địa chỉ cư trú: Khóm T, thị trấn S, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

- *Bị đơn:* Cao Thị Mộng T, sinh năm 1979, địa chỉ cư trú: Khóm T, thị trấn S, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 7 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Lê Thanh Tuấn A trình bày: Vào năm 1996, anh Lê Thanh Tuấn A và chị Cao Thị Mộng T, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng có hai người con chung tên Lê Cao Hải Đ, sinh ngày 08-8-1999 và Lê Cao Hải Đ1, sinh ngày 30-10-2006. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc. Đến năm 2014 do mâu thuẫn bất đồng ý kiến, vợ chồng thường

xuyên bất hòa, nên cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Từ đó, chị T bỏ đi xa để lại hai con cho anh Tuấn A nuôi dưỡng và anh Tuấn A và chị T đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay anh Tuấn A yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng giải quyết. Về hôn nhân, anh Lê Thanh Tuấn A xin được ly hôn với chị Cao Thị Mộng T. Về con chung, có hai con chung tên Lê Cao Hải Đ, sinh ngày 08-8-1999 và Lê Cao Hải Đ1, sinh ngày 30-10-2006. Anh Tuấn A yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu chị T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Nhưng tại biên bản hòa giải ngày 09-8-2017 và tại phiên tòa hôm nay anh Tuấn A thay đổi về con chung là đồng ý giao cháu Đ1 cho chị T nuôi dưỡng, vì cháu Đ1 có nguyện vọng sống chung với chị T và anh Tuấn A không cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu Lê Cao Hải Đ, sinh ngày 08-8-1999 đến nay đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 16 tháng 8 năm 2017, bị đơn chị Cao Thị Mộng T trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của anh Lê Thanh Tuấn A về hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung. Do đó, về hôn nhân, chị T đồng ý ly hôn với anh Tuấn A. Về con chung, có hai con chung tên Lê Cao Hải Đ, sinh ngày 08-8-1999 (hiện nay đã trưởng thành), nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Lê Cao Hải Đ1, sinh ngày 30-10-2006, chị T đồng ý nuôi dưỡng cháu Đ1 và không yêu cầu anh Tuấn A thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự:

Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn Cao Thị Mộng T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Cao Thị Mộng T tại phiên tòa.

[2] Về hôn nhân: Từ năm 1996 đến nay, anh Tuấn A và chị T chung sống với nhau như vợ chồng và không đăng ký kết hôn. Do đó, hôn nhân của anh, chị là không hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy*

định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”. Do đó, việc chung sống với nhau như vợ chồng giữa anh Tuấn A và chị T không có đăng ký kết hôn nên không công nhận anh Tuấn A và chị T là vợ chồng theo quy định tại Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Tuấn A và chị T có hai con chung tên Lê Cao Hải Đ, sinh ngày 08-8-1999 (hiện nay đã trưởng thành), nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Lê Cao Hải Đ1, sinh ngày 30-10-2006, anh Tuấn A đồng ý giao cháu Đ1 cho chị T nuôi dưỡng, vì cháu Đ1 có nguyện vọng sống chung với chị T và anh Tuấn A không cấp dưỡng nuôi con. Ý kiến của chị T thống nhất có hai con chung tên là Lê Cao Hải Đ, sinh ngày 08-8-1999 (hiện nay đã trưởng thành), nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và đồng ý nuôi dưỡng con chung tên Lê Cao Hải Đ1, sinh ngày 30-10-2006 và không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Lê Cao Hải Đ, sinh ngày 08-8-1999 hiện nay đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với cháu Lê Cao Hải Đ1, sinh ngày 30-10-2006, hiện cháu Đ1 đang sống chung với chị T và có nguyện vọng sống chung với chị T. Vì vậy, sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận giao con chung Lê Cao Hải Đ1, sinh ngày 30-10-2006 cho chị T nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh Tuấn A thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Anh Tuấn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: “Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”. Vậy, anh Lê Thanh Tuấn A phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; chị Cao Thị Mộng T không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận anh Lê Thanh Tuấn A và chị Cao Thị Mộng T là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Lê Thanh Tuấn A và chị Cao Thị Mộng T, giao con chung tên Lê Cao Hải Đ1, sinh ngày 30-10-2006 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Thanh Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình:

Anh Lê Thanh Tuấn A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số: BN/2013 03413 ngày 17-7-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp; anh Lê Thanh Tuấn A đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Cao Thị Mộng T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29-8-2017). Bị đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Bé Hương

